TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HC-PT
Ngày: 12 - 01 - 2022
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Lê Văn An

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 746/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1589/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 300/2021/QĐ - PT ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Hữu P, sinh năm 1965.

Địa chỉ: đường Tỉnh lộ X8, Tổ X2, Khu phố X7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Đường Tỉnh lộ X8, Khu phố X7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Địa chỉ: 86, đường L, phường B, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án vào ngày 28 tháng 9 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20 tháng 12 năm 2018, cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Trần Hữu P có người đại diện hợp pháp là ông Phạm Văn T trình bày:

Ông Trần Hữu P là con ruột của bà Trương Thị L, sinh năm 1921 (hiện nay đã chết).

Vào năm 1979, bà Trương Thị L mua phần đất mương có diện tích 400m^2, tọa lạc tại ấp X1, xã B, huyện C, của cha mẹ ông Phan Văn C1 là ông Phan Đức T1 và bà Nguyễn Thị R với giá là 1.200đ. Do bà L chỉ trả được 600đ/1200đ nên ông T1 chỉ giao ½ diện tích đất là 200m^2. Sau khi mua, bà L cất nhà ở đến năm 1983 thì dọn nhà đi nơi khác, phần đất trên bỏ trống. Ông Phan Văn C1 ở cạnh bên đã sang lấn chiếm phần đất này.

Đến năm 1989, bà L gửi đơn đòi lại phần đất nêu trên.

Đến ngày 25/02/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD điều chỉnh Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20/11/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung: "Giao cho bà Trương Thị L 200m^2 đất (Ngang 5m, dài 40m) mặt tiền Tỉnh lộ X8, cạnh đường đất đỏ tại : ấp X1, xã B, huyện C". Đây là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ngày 15/02/2001, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 358/QĐ-UB về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25/02/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưỡng chế bà L được UBND huyện C giao lại phần đất trên. Đến ngày 30/03/2001, bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 946115, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH, diện tích 200m^2 (loại đất màu), thuộc thửa 375-1, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã B, huyện C. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L đã chuyển nhượng hết diện tích phần đất nêu trên cho bà Trần Thị T3 theo giấy tay lập ngày 09/04/2001, bà T3 đã trả hết tiền cho bà L. Từ đó bà T3 quản lý và sử dụng đất này (bà T3 có tự xây nhà mái ngói, vách cây sau này làm lại thành vách tole) cho đến nay.

Ngày 15/8/2018, Ủy ban nhân dân huyện C lại ban hành Thông báo số 10090/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 954/QSDĐ/HTH ngày 30/03/2001 cấp cho bà Trương Thị L.

ông P không đồng ý với Thông báo số 10090/TB-UBND vì căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đây là

quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chính Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 358/QĐ-UB về việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25/02/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Thông báo số 10090/TB-UBND nêu trên.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông P mới nhận được Quyết định số 13417/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH ngày 30/03/2001 cấp cho bà Trương Thị L, nên ông P khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 13417 nêu trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có đơn đề nghị tiến hành tố tụng vắng mặt đề ngày 26 tháng 12 năm 2018, cung cấp bản tự khai đề ngày 26 tháng 12 năm 2018 và Văn bản số 6316/UBND-TNMT đề ngày 09 tháng 7 năm 2020 ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau:

Phần đất mương có diện tích 400m^2 tọa lạc tại ấp X1, xã B, huyện C do ông Phan Đức T1 và bà Nguyễn Thị R (cha mẹ ông Phan Văn C1) bán cho bà Trương Thị L bằng giấy tay vào năm 1979, nội dung giấy tay có ghi: Phần đất bán cho bà L là một mương đất giá 1.200đ. Do bà L chỉ trả được 600đ/1200đ nên ông T1 chỉ giao ½ diện tích mương đất. Sau khi mua, bà L sử dụng cất nhà ở đến năm 1983 thì dọn nhà đi nơi khác, phần đất trên bỏ trống, ông Phan Văn C1 ở cạnh bên đã sang quản lý phần đất này. Đến năm 1989, bà L gửi đơn đòi lại phần đất nêu trên.

Ngày 24 tháng 7 năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 334/QĐ-UB nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất 250 m^2 tại ấp 1 xã B, Củ Chi cho bà Trương Thị L, không công nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Phan Văn C1.

Ngày 20 tháng 11 năm 1998, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC, nội dung: Công nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn C1 đồng ý giao lại cho bà Trương Thị L 200 m^2 đất tại ấp X1, B, C theo biên bản tiếp xúc ngày 12 tháng 3 năm 1998 tại Sở Địa chính.

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 283/CV-UB kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi bổ sung Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC với lý do không tổ chức thực hiện được quyết định vì Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng vị trí đất mà bà L mua lại của ông C1 là mặt tiền đường, do ông C1 tự ý chiếm lại nên bà L không đồng ý việc gia đình ông C1 tự nguyện giao 200m^2 đất phía sau cho bà.

Ngày 25 tháng 02 năm 2000, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD điều chỉnh Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố, với nội dung: Giao cho bà Trương Thị L phần đất 200 m^2 (ngang 5m, dài 40m) mặt tiền Tỉnh lộ X8 cạnh đường đất đỏ tại ấp X1, xã B, huyện C.

Ngày 19 tháng 4 năm 2000, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố có Công văn số 530/VKS-KSTTPPL đề nghị tạm ngưng thực hiện Quyết định số 1271 và ngày 30 tháng 5 năm 2000 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố có Văn bản 767/VKS-UB-TD yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hủy bỏ Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000.

Ngày 07 tháng 8 năm 2000, Văn phòng Tiếp Công dân Thành phố có Thông báo số 55/TB-TD về kết luận giải quyết khiếu nại của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố, với nội dung: Ngày 02tháng 8 năm 2000, tại buổi họp tiếp dân, đồng chí Mai Quốc B2 chủ trì kết luận: Chấp thuận theo đề xuất của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố sẽ mời hai bên tranh chấp lên làm việc, chủ yếu vận động thuyết phục thực hiện Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ngày 06 tháng 10 năm 2000, Văn phòng Tiếp Công dân Thành phố có Thông báo số 68/TB-TD về kết quả tiếp công dân của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, với nội dung: Ngày 28 tháng 9 năm 2000, tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện C, đồng chí Mai Quốc B2 tiếp tục chủ trì cuộc họp tiếp công dân, kết luận: Giao Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức thực hiện Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố bằng cách vận động hai bên có sự nhân nhượng lẫn nhau, giữ gìn tình nghĩa xóm giềng và quyền lợi hai bên được giải quyết thỏa đáng.

ông C1 không đồng ý thi hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 13 tháng 3 năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-UB cưỡng chế tháo dỡ đối với 03 nhà cũ của ông C1 và vật tư tháo dỡ 03 căn nhà giao lại cho ông C1.

Sau khi cưỡng chế, bà Trương Thị L được giao lại phần đất diện tích 05m x 40m vị trí mặt tiền đường Tỉnh lộ X8 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/4HTH ngày 30 tháng 3 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp với diện tích 200m^2. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L đã chuyển nhượng hết diện tích đất nêu trên cho bà Trần Thị T3 theo giấy tay lập ngày 09/4/2001 và bà T3 đã trả hết tiền cho bà L. Từ đó bà T3 quản lý sử dụng đất này cho đến nay.

Ngày 03 tháng 9 năm 2003, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 3644/QĐ-UB về tạm ngưng thực hiện Quyết định 1271 và giao Thanh tra Thành phố phúc tra Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000.

Ngày 07 tháng 01 năm 2005, Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành Quyết định số 34/QĐ-BTNMT thành lập đoàn công tác giải quyết khiếu nại về đất đai tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có vụ khiếu nại của ông Phan Văn C1.

Ngày 11 tháng 5 năm 2005, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 1554/BTNMT-TTr ý kiến đồng ý Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 23 tháng 11 năm 2005, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản số 7600/UBND-PC báo cáo toàn bộ nội dung vụ việc đến Bộ Tài nguyên và môi trường với kiến nghị công nhận cách giải quyết tại Quyết định số 1271.

Ngày 25 tháng 01 năm 2006, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn 378/BTNMT-TTr phúc đáp Ủy ban nhân dân Thành phố, nội dung: Giữ nguyên Quyết định 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các ngành chức năng có biện pháp khắc phục hậu quả do việc cưỡng chế gây ra và làm công tác tư tưởng cho ông Phan Văn C1 để thực hiện theo hướng đề xuất giải quyết tại Công văn 7600/UBND-PC ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố để chấm dứt khiếu nại. Nếu ông C1 không đồng ý thì phải giải quyết theo quy định của pháp luật nêu trên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2006, Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản 1239/UBND-PC giao Ủy ban nhân dân huyện C thuyết phục, vận động gia đình ông C1 chấp hành Quyết định 1271/QĐ-UB-TD, có biện pháp khắc phục hậu quả cho cưỡng chế gây ra cho gia đình ông C1.

Ngày 08 tháng 02 năm 2007, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 791 với nội dung: Chủ tịch UBND huyện C khẩn trương, nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn 1239 ngày 06/3/2006, đồng thời nghiêm khắc, kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc chậm thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với khiếu nại này.

Ngày 23 tháng 8 năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 2016 với nội dung: Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo hướng giữ nguyên như nội dung Quyết định số 1271.

Ngày 25 tháng 12 năm 2007, Văn phòng Ủy ban Thành phố có Công văn số 9154/VP-PCNC truyền đạt ý kiến của Phó Chủ tịch Ủy ban thành phố, giao Ủy ban nhân dân huyện C chủ trì cùng các ngành liên quan Thanh tra thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường,Văn phòng tiếp công dân thành phố và đoàn thể địa phương vận động, thuyết phục gia đình ông C1 chấp hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời có kế hoạch, biện pháp tính toán hỗ trợ chênh lệch giá trị đất tại khu vực và khắc phục hậu quả do cưỡng chế gây ra. Tuy nhiên, ông C1 không chấp hành mà yêu cầu huyện và thành phố xem xét giải quyết trả lại phần đất diện tích 200m^2 mặt tiền tỉnh lộ 3 mà trước đây đã cưỡng chế giao cho bà L theo Quyết định số 1271.

Ngày 17 tháng 3 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục có báo cáo số 51/BC-UBND xin ý kiến chỉ đạo về việc không vận động thuyết phục được ông C1 và kiến nghị giữ nguyên Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 09 tháng 8 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện C có báo cáo số 158 với nội dung: Ủy ban nhân dân huyện không lập kế hoạch, biện pháp tính toán hỗ trợ chênh lệch về giá trị đất tại khu vực và khắc phục hậu quả do cưỡng chế gây ra. Vì Ủy ban nhân dân huyện xác định việc cưỡng chế giao đất cho bà L là

đúng theo nội dung tinh thần Quyết định số 1271 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 17666 với nội dung: Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 16295 ngày 12/12/2017 của Văn phòng Ủy ban thành phố, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C tổ chức thực hiện.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, Văn phòng Ủy ban Thành phố có Công văn số 3756 với nội dung: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với các cá nhân, tổ chức đã đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000; Chỉ đạo Thanh tra huyện C thẩm tra và sau đó Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH ngày 30 tháng 3 năm 2001 cấp cho bà Trương Thị L.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 4635 giao Thanh tra huyện thẩm tra và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đã cấp cho bà L.

Trên cơ sở tham mưu của Thanh tra huyện, ngày 23 tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 6264 giao Phòng Tài nguyên và môi trường huyện thẩm tra, thu hồi giấy chứng nhận cấp cho bà L.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành thông báo số 10090 và ngày 31 tháng 10 năm 2018 ban hành Quyết định số 13417 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho bà L, với lý do thực hiện theo Công văn số 3756 ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận hai văn bản hành chính này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 3048/UBND-NCPC ngày 10 tháng 8 năm 2020 đề nghị tiến hành tố tụng vắng mặt và cung cấp Văn bản số 3047/UBND-NCPC ngày 10 tháng 8 năm 2020 ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau:

Năm 1979, Ông Phan Đức T1 và bà Nguyễn Thị R (cha mẹ ông Phan Văn C1) có bán cho bà Trương Thị L một phần đất tại ấp X1, xã B huyện C bằng giấy tay. Nội dung giấy sang nhượng ghi nhận *"Diện tích bán cho bà L là một mương đất với giá 1.200 đồng. Do bà L đưa trước 600 đồng nên chỉ được sử dụng một nữa mương, phần còn lại sau khi bà L trả hết tiền thì mới được sử dụng"* (không nêu vị trí và diện tích đất sang nhượng).

Sau khi mua, bà L cất nhà ở đến năm 1983 thì dọn đi nơi khác, phần đất trên bỏ trống do đó ông C1 sử dụng.

Năm 1989, bà Trương Thị L trở về phần đất đã mua trên, do ông C1 đang sử dụng nên bà L có đơn tranh chấp đất với ông C1.

Ngày 24 tháng 7 năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 334/QĐ-UB nội dung: *"Công nhận quyền sử dụng đất 250 m^2 tại ấp 1*

xã B, Củ Chi cho bà Trương Thị L, không công nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Phan Văn C1".

Không đồng ý, ông C1 khiếu nại.

Ngày 20 tháng 11 năm 1998, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC, nội dung: *"Công nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn C1 đồng ý giao lại cho bà Trương Thị L 200 m^2 đất tại ấp X1, B, C theo biên bản tiếp xúc ngày 12 tháng 3 năm 1998 tại Sở Địa chính".* (Cụ thể là phần đất phía sau, phần đất phía trước là mặt tiền đường Tỉnh lộ X8).

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 283/CV-UB kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi bổ sung Quyết định 6285/QĐ-UB-NC với lý do không tổ chức thực hiện được quyết định vì Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng vị trí đất mà bà L mua lại của ông C1 là mặt tiền đường, do ông C1 tự ý chiếm lại nên bà L không đồng ý việc gia đình ông C1 tự nguyện giao 200m^2 đất phía sau cho Bà.

Trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện C, Tờ trình số 481/BC-TTr ngày 06 tháng 8 năm 1999 của Thanh tra Thành phố, đồng chí Mai Quốc B2 đã tổ chức cuộc họp vào ngày 17 tháng 9 năm 1999 và đã kết luận như sau:

- "Chấp thuận theo ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện C và Văn phòng Tiếp công dân thành phố:

+ Ông Phan Văn C1 được sử dụng phần đất có bề ngang khoảng 06m (mặt tiền Tỉnh lộ X8), bề dài hết ranh đất (khoảng 50m).

+ Bà Trương Thị L được sử dụng phần đất có bề ngang khoảng 04m (mặt tiền Tỉnh lộ X8), bề dài hết ranh đất (khoảng 50m).

- Giao cho Thanh tra thành phố làm lại tờ trình và dự thảo Quyết định trình Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo ý kiến chỉ đạo trên"

Thực hiện ý kiến chỉ đạo trên, Thanh tra Thành phố có Báo cáo số 773/BC-TTr ngày 03 tháng 12 năm 1999 kiến nghị giao cho bà L phần đất 05m x 40m (thay vì 04m x 50m) tại vị trí mặt tiền Tỉnh lộ X8 có 04 căn nhà lá của gia đình ông Phan Văn C1 vì phần đất giao ông C1 sử dụng có bề ngang 06m x 50m đã được ông C1 chuyển nhượng một phần cho bà Thủy với diện tích 05m x 36m.

Ngày 25 tháng 02 năm 2000, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD điều chỉnh Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố với nội dung: Giao cho bà Trương Thị L phần đất 200 m^2 (ngang 5m, dài 40m) mặt tiền Tỉnh lộ X8 cạnh đường đất đỏ tại ấp 1 xã B huyện C.

Ngày 30 tháng 5 năm 2000, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố có Văn bản 767/VKS-UB-TD yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố *"hủy bỏ Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh Quyết định 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998.*

Giữ nguyên Quyết định 6285/QĐ-UB-NC và công nhận sự tự nguyện của ông C1 về việc phá bỏ hàng rào bông bụp mở rộng hẻm" để giao phần đất 200 m^2 có vị trí phía trong thể hiện tại biên bản tiếp xúc ngày 12 tháng 3 năm 1998 của Sở Địa chính nhà đất.

Ngày 02 tháng 8 năm 2000, tại buổi họp tiếp dân, đồng chí Mai Quốc B2 chủ trì kết luận: *"Chấp thuận theo đề xuất của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố sẽ mời hai bên tranh chấp lên làm việc, chủ yếu vận động thuyết phục thực hiện Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố"*

Ngày 28 tháng 9 năm 2000, tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện C, đồng chí Mai Quốc B2 tiếp tục chủ trì cuộc họp tiếp công dân, kết luận: *"Giao Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức thực hiện Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố bằng cách vận động hai bên có sự nhân nhượng lẫn nhau, giữ gìn tình nghĩa xóm giềng và quyền lợi hai bên được giải quyết thỏa đáng".*

ông C1 không đồng ý thi hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 13 tháng 3 năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 358/QĐ-UB cưỡng chế tháo dỡ đối với 03 nhà do ông C1 và các con sử dụng có tổng diện tích 42,5 m^2, có vị trí nằm trong phần diện tích 5m x 40m mà Ủy ban nhân dân huyện C giao cho bà L.

Sau khi cưỡng chế, bà Trương Thị L được giao lại phần đất diện tích 05m x 40m vị trí mặt tiền đường Tỉnh lộ X8 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/4HTH ngày 30 tháng 3 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp với diện tích 200m^2. Đồng thời ngày 04 tháng 4 năm 2001 bà L đã lập hợp đồng bằng giấy tay chuyển nhượng phần đất trên cho bà Trần Thị T3 (có nhà đang ở trên phần đất này).

Ngày 24 tháng 8 năm 2001, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố tiếp tục có Văn bản số 757/VKS-KSTTPL đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét lại Quyết định 1271/QĐ-UB-TD do ông T1 cung cấp tình tiết mới: cha ông T1 đã nộp 20 giạ lúa tại Ủy ban nhân dân xã B để chuộc lại 200 m^2 đã bán cho bà L trước đó.

Ngày 03 tháng 9 năm 2003, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định 3644/QĐ-UB giao Thanh tra Thành phố phúc tra Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000.

Trong quá trình Thanh tra Thành phố tiến hành phúc tra, Bộ Tài nguyên và Môi trường có thành lập Đoàn công tác, trong đó có trường hợp giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn C1. Ngày 11 tháng 5 năm 2005, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 1554/BTNMT-TTr ý kiến đồng ý Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 31 tháng 8 năm 2005, Thanh tra Thành phố có Báo cáo số 545/BC-TTr kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 và có báo cáo nội dung sự việc đến Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến chỉ đạo thống nhất với hướng đề xuất của Thanh tra Thành phố.

Ngày 23 tháng 11 năm 2005, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản số 7600/UBND-PC báo cáo toàn bộ nội dung vụ việc đến Bộ Tài nguyên và Môi trường với kiến nghị công nhận cách giải quyết tại Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố

Ngày 25 tháng 01 năm 2006, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Công văn 378/BTNMT-TTr phúc đáp Ủy ban nhân dân Thành phố, nội dung:

- "Giữ nguyên Quyết định 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998;

- Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các ngành chức năng có biện pháp khắc phục hậu quả do việc cưỡng chế gây ra và làm công tác tư tưởng cho ông Phan Văn C1 để thực hiện theo hướng đề xuất giải quyết của Công văn số 7600/UBND-PC ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố để chấm dứt khiếu nại. Nếu ông C1 không đồng ý thì phải giải quyết theo quy định của pháp luật nêu trên".

Ngày 06 tháng 3 năm 2006, Ủy ban nhân dân Thành phố có Văn bản 1239/UBND-PC giao Ủy ban nhân dân huyện C thuyết phục, vận động gia đình ông C1 chấp hành Quyết định 1271/QĐ-UB-TD, có biện pháp khắc phục hậu quả cho cưỡng chế gây ra cho gia đình ông C1.

Năm 2010, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Thanh tra Thành phố thành lập đoàn công tác giải quyết khiếu nại của ông C1.

Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân thành phố và Đoàn công tác Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thống nhất kết luận về việc giải quyết khiếu nại của ông C1 như sau (công văn số 9154/VP-PCNC ngày 25 tháng 12 năm 2007): *"Giao Ủy ban nhân dân huyện C chủ trì cùng các ngành liên quan Thanh tra thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường,Văn phòng tiếp công dân thành phố và đoàn thể địa phương vận động, thuyết phục gia đình ông C1 chấp hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời có kế hoạch, biện pháp tính toán hỗ trợ chênh lệch giá trị đất tại khu vực và khắc phục hậu quả do cưỡng chế gây ra".*

Ngày 17 tháng 3 năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục có báo cáo số 51/BC-UBND xin ý kiến chỉ đạo về việc không vận động thuyết phục được ông C1 và kiến nghị giữ nguyên Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ngày 02 tháng 11 năm 2010, Thanh tra Thành phố có Báo cáo số 678/BC-TTTP-P4 (Mật) ý kiến như sau:

- Việc mua bán đất giữa ông Phan Đức T1 và bà Nguyễn Thị R với bà Trương Thị L vào năm 1979 không thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó tại thời điểm này chưa đủ cơ sở để công nhận quyền sử dụng hợp pháp của bà L đối với phần đất nêu trên.

- Giấy sang nhượng đất (giấy tay) giữa vợ chồng ông Phan Đức T1 và bà Trương Thị L vào năm 1979 không ghi diện tích và vị trí đất, mặt khác theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 3 năm 1998 với Sở Địa chính- Nhà đất, ông C1 tự nguyện giao cho bà L phần diện tích 200m^2 phía bên trong. Do đó, Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho bà L phần đất 200m^2 vị trí mặt tiền là chưa đúng theo ý chí của ông C1.

Ngày 14 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 10710/UBND-TTH báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, xác định số tiền phải chi trả cho ông C1 là 251.293.207 đồng (gồm tiền hỗ trợ chênh lệch giá trị giữa 2 vị trí đất, tiền khắc phục hậu quả do cưỡng chế, lãi suất từ ngày 15 tháng 3 năm 2001 đến 12 tháng 9 năm 2015).

Tại Biên bản làm việc ngày 12 tháng 01 năm 2017, ông Phan Văn C1 có ý kiến:

+ ông C1 không đồng ý nhận tiền bồi thường cưỡng chế của Ủy ban nhân dân huyện C.

+ Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao lại cho ông C1 phần đất 200 m^2 tại ấp 1 xã B huyện C mà trước đây đã giao cho bà Trương Thị L thể hiện tại Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố. Đối với phần nhà và đất gia đình ông C1 đang sử dụng (địa chỉ 2024/1, Tỉnh lộ X8, giáp phía sau phần đất 200 m^2), ông C1 đồng ý giao lại cho bà Trần Thị T3, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện C hoặc bà T3 phải trả lại tiền xây dựng nhà mà ông C1 đã bỏ ra trước đó là khoảng 300.000.000 đồng (ông C1 trình bày xây nhà vào năm 2010).

Qua kiểm tra, xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 11413/STNMT- TTr ngày 06 tháng 11 năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy:

- Các căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện C kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998 là chưa chặt chẽ, cụ thể:

+ Công văn số 283/CV-UB ngày 16 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện C, báo cáo bà Trương Thị L đồng ý nhận phần đất 200 m^2 theo sự tự nguyện của ông C1 nhưng phải là phần đất mặt tiền đường.

+ Tại cuộc họp ngày 04 tháng 8 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện C báo cáo, thời điểm cưỡng chế năm 1999, không có đường đi vào phần đất phía trong. Tuy nhiên rà soát hồ sơ không có thể hiện nội dung này và theo hình ảnh do ông C1 cung cấp, thời điểm này có đường đất vào phần đất phía trong.

- Kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố tại Văn bản số 767/VKS-KSTTPL ngày 30 tháng 5 năm 2000; của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1554/BTNMT-TTr ngày 11 tháng 5 năm 2005; của Thanh tra Thành phố tại Báo cáo số 678/BC-TTTP-P4(M) ngày 02 tháng 11 năm 2010 thống nhất đề nghị thi hành Quyết định số 6285/QĐ-UB-NC ngày 20 tháng 11 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố và đáp ứng được nguyện vọng của ông C1.

- Đối với Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2001 có các tình tiết giải quyết chưa chặt chẽ, cụ thể như:

+ Giấy sang nhượng đất (giấy tay) giữa vợ chồng ông Phan Đức T1 và bà Trương Thị L vào năm 1979 không ghi diện tích và vị trí đất, mặt khác theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 3 năm 1998 với Sở Địa chính- Nhà đất, ông C1 tự nguyện giao cho bà L phần diện tích 200m^2 phía bên trong. Do đó, việc giao cho bà L phần đất 200m^2 vị trí mặt tiền là chưa đúng theo ý chí của ông C1.

+ Các kết luận cuộc họp của Ủy ban nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức vận động, thuyết phục ông Phan Văn C1 chấp hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD nhưng Ủy ban nhân dân huyện C chưa thực hiện đầy đủ, chưa xin ý kiến Thanh tra Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố về việc cưỡng chế 03 căn nhà của ông C1. Do vậy, quy trình thực hiện này chưa chặt chẽ, phù hợp.

- ông C1 giải trình, vào năm 1989 ông C1 đã chuộc lại phần đất gia đình ông đã bán cho bà Trương Thị L trước đây với số tiền tương ứng 20 giạ lúa. Nội dung này được thể hiện tại Văn bản số 06/KN.UB ngày 20 tháng 4 năm 1989 của Ủy ban nhân dân xã B. Mặc dù vậy, nay ông C1 đồng ý hoán đổi phần đất gia đình ông đang sử dụng phía sau với phần đất 200 m^2 phía trước giáp mặt tiền đường Tỉnh lộ X8 mà đã giao cho bà Trương Thị L. Như vậy việc hoán đổi này là hợp lý, hợp tình.

- Từ những cơ sở nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Công văn số 3756/VP-NCPC ngày 12 tháng 4 năm 2018 giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

+ Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với các cá nhân, tổ chức đã đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1271/QĐ-UB-TD ngày 25 tháng 02 năm 2000.

+ Chỉ đạo Thanh tra huyện C thẩm tra và sau đó Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH ngày 30 tháng 3 năm 2001 cấp cho bà Trương Thị L.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Công văn số 3756/VP-PCNC ngày 12 tháng 4 năm 2018, đề nghị Toà án nhân dân Thành phố không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 1589/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P.

Hủy bỏ Thông báo số 10090/TB-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 và Quyết định số 13417/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 954/QSDĐ/HTH ngày 30 tháng 3 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trương Thị L, cư ngụ tại khu phố 3, thị trấn Củ Chi, huyện C (hiện nay đã chết).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 10784/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý Quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong phần tranh luận, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên lời trình bày đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Vụ việc này liên quan rất nhiều đến ông Phan Văn C1, bà Trần Thị T3 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C1, bà T3 vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Về vị trí phần đất chưa được xác định chính xác do không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là chưa đủ căn cứ. Ngoài ra, những việc này xuất phát từ Quyết định 1271/QĐ-UB-TD ngày 25/02/2000, mặc dù Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có kháng nghị đối với Quyết định 1271/QĐ-UB-TD nhưng chưa được trả lời cụ thể. Năm 2018 Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành thông báo căn cứ vào quyết định này là chưa phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ngày 30/3/2001 Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH, diện tích 200m^2 (loại đất màu), thuộc thửa 375-1, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã B, huyện C cho bà Trương Thị L (mẹ ông Trần Hữu P). Năm 2018, Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành thông báo 10090/TB-UBND ngày 15/8/2018, và Quyết định 13417/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L. ông P cho rằng việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Uỷ ban nhân dân huyện C là không đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 10090/TB-UBND và Quyết định 13417/QĐ-UBND.

Người bị kiện cho rằng các Quyết định hành chính bị kiện đã được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Nguồn gốc phần đất có diện tích 200m^2 (loại đất màu), thuộc thửa 375-1, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã B, huyện C là do bà L mua của ông Phan Đức T1 và bà Nguyễn Thị R (cha mẹ ông Phan Văn C1) vào năm 1979. Thỏa thuận chuyển nhượng là bà L mua 400m^2 với giá 1.200đ, nhưng do bà L chỉ trả 600đ nên ông T1 chỉ giao ½ diện tích đất là 200m^2. Theo người khởi kiện trình bày do ông C1 lấn chiếm, nên bà L khiếu nại. Ngày 25/02/2000 Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 1271/QĐ-UB-TD điều chỉnh quyết định 6285/QĐ-UB-NC ngày 20/11/1998 có nội dung: "Giao cho bà Trương Thị L 200m^2 đất (ngang 5m, dài 40m) mặt tiền đường Tỉnh lộ X8, cạnh đường đất đỏ tại ấp X1, xã B, huyện C". Căn cứ vào Quyết định 1271/QĐ-UB-TD, Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Sau đó, bà L đã chuyển nhượng phần đất này cho bà Trần Thị T3. Hiện nay, bà T3 là người đang quản lý, sử dụng đất.

[3.2] Xét thấy, xuất phát từ khiếu nại của bà L về việc ông Phan Văn C1 có hành vi lấn chiếm đất nên Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 1271/QĐ-UB-TD. Từ Quyết định 1271/QĐ-UB-TD, Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Để làm rõ yêu cầu khởi kiện của ông P thì cần phải xem xét Quyết định 1271/QĐ-UB-TD là cơ sở mà Uỷ ban nhân dân huyện C đã căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Quyết định 1271/QĐ-UB-TD có liên quan đến ông C1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông C1 tham gia tố tụng, mà chỉ căn cứ vào việc Quyết định 1271/QĐ-UB-TD đã bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh có kháng nghị, nhưng chưa có kết quả giải quyết để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là chưa đủ căn cứ. Mặt khác, từ năm 2001 bà L đã chuyển nhượng phần đất trên cho bà Trần Thị T3. bà T3 đã quản lý sử dụng phần đất này từ khi nhận chuyển nhượng cho đến khi có tranh chấp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà T3 vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T3.

[3.3] Sau khi Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 1271/QĐ-UB-TD, ông C1 có khiếu nại. Bộ Tài nguyên và môi trường có văn bản số 1554/BTNMT-TTr ngày 11/5/2005 và 378/BTNMT-TTr ngày 25/01/2006. Căn cứ vào văn bản của Bộ Tài nguyên và môi trường, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 3756/VP-NCPC ngày 12/4/2018. Xét thấy, tất cả các văn bản trên đều có nội dung liên quan đến việc Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH. Căn cứ quy định tại điểm d, đ khoản 3 Điều 191 và khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì Hội đồng xét xử sơ thẩm phải xem xét các văn bản hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các văn bản số 1554/BTNMT-TTr, 378/BTNMT-TTr và 3756/VP-NCPC là chưa giải quyết toàn diện vụ án.

[3.3] Thỏa thuận giữa bà L và ông T1, bà R có nội dung bà L nhận chuyển nhượng 200m^2/400m^2 đất thuộc thửa 375-1 mà không thể hiện cụ thể vị trí phần đất. ông C1 đồng ý giao cho bà L 200m^2 đất nhưng ở vị trí phía trong, không phải vị trí mặt tiền đường Tỉnh lộ X8. Quyết định 1271/QĐ-UB-TD và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 954/QSDĐ/HTH giao cho bà L phần đất vị trí mặt tiền đường. Vậy, để xem xét việc Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L có đúng quy định pháp luật, thì cần phải xác định vị trí phần đất mà bà L nhận chuyển nhượng từ ông T1, bà R. Theo người khởi kiện trình bày thì năm 1979 – 1983 bà L có cất nhà ở trên phần đất, sau đó thì bị ông C1 lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ lời trình bày của người khởi kiện, để xác định phần đất mà bà L nhận chuyển nhượng và phần đất bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cùng hay khác vị trí, là chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định đầy đủ người tham gia tố tụng, chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 10784/QĐ-VKS-HC ngày 08/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 1589/2020/HC-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười